UBND TỈNH TIỀN GIANG
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CT THỦY LỢI TG
MST: 1200100596

Số: 394/BC-TL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 18 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO
Đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất

Năm báo cáo: 2019

*** Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước**

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước

Công ty thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích theo hình thức giao kế hoạch hàng năm. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018
1	Công trình cống	Cái	122	141	148
2	Công trình kênh	Km	1.118,82	1.118,82	1.118,82
3	Trạm bơm	Cái	1	1	1
4	Diện tích tưới tiêu tạo nguồn kết hợp	Ha	380.538	380.275	338.072

2. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước

Trong giai đoạn từ năm 2016-2018, Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang đã triển khai đầu tư sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn công trình thủy lợi nhằm duy trì năng lực hoạt động, kéo dài tuổi thọ của công trình. Chi phí cho sửa chữa được bố trí trong nguồn kinh phí giao kế hoạch hàng năm cho công ty, kết quả thực hiện sửa chữa qua các năm như sau:

a) Sửa chữa thường xuyên

Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
Số hạng mục	Kinh phí (Tỷ đồng)	Số hạng mục	Kinh phí (Tỷ đồng)	Số hạng mục	Kinh phí (Tỷ đồng)
82	2,244	92	3,506	43	7,700

Ghi chú: trong năm 2018, sửa chữa thường xuyên bao gồm sửa chữa thường xuyên công trình: 3,968 tỷ đồng và trục vớt trục đẩy lục bình: 3,732 tỷ đồng.

b) Sửa chữa lớn

Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
Số hạng mục	Kinh phí (Tỷ đồng)	Số hạng mục	Kinh phí (Tỷ đồng)	Số hạng mục	Kinh phí (Tỷ đồng)
3	4,584	4	8,026	5	7,898

3. Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm

- Được giao quản lý khai thác thêm 26 công trình cống, nâng tổng số công trình quản lý từ 122 lên 148 cống. Riêng công trình kênh chính, cấp I, cấp II quản lý 1.118km không thay đổi.

- Số diện tích phục vụ tưới tiêu gieo trồng năm 2018 giảm nhiều so với các năm là do sắp xếp, phân loại lại nhóm cây công nghiệp ngắn ngày (*được tính 3vụ/năm*) sang nhóm cây công nghiệp dài ngày (*được tính 1vụ/năm*) theo Thông tư 28/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 02/6/2014 về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nhưng về cơ bản diện tích canh tác nông nghiệp qua các năm đều không có biến động lớn.

4. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

a) Thuận lợi

- Được sự quan tâm của UBND tỉnh cùng các sở ngành đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của Công ty.

- Công ty đã kịp thời đưa vào áp dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong công tác quản lý và vận hành công trình thủy lợi.

- Các công trình thủy lợi, nhất là công trình ở các dự án luôn được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa kịp thời.

- Công tác quản lý vận hành công trình phục vụ sản xuất được địa phương quan tâm. CBCNV Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chủ động trong công tác vận hành công trình đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất.

b) Khó khăn

- Hệ thống công trình thủy lợi tuy được đầu tư nhưng chưa đồng bộ.

- Hồ sơ về quản lý công trình, nhất là hồ sơ về đất đai khi bàn giao cho công ty thường không đầy đủ, rất khó khăn cho công ty trong công tác quản lý vì dễ phát sinh tranh chấp.

- Công tác vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi ngày càng nhiều nhưng biện pháp xử lý của chính quyền địa phương chưa thật sự hiệu quả.

- Công ty thực hiện ký hợp đồng đo đạc đất tại các công trình cống đã xác định được ranh giới nhưng chưa có chủ quyền để lập thủ tục xin cấp đất tuy nhiên hiện tại vẫn còn nhiều hồ sơ xin cấp chủ quyền đất công trình gặp nhiều khó khăn do không có hồ sơ gốc và các hộ lân cận không chịu ký giáp ranh.

- Nguồn lực lượng lao động, nhất là công nhân thủy nông hiện rất cần bổ sung do công ty được tỉnh giao tăng công trình hàng năm nhưng không có nguồn.

- Riêng năm 2018 việc giao kế hoạch quản lý khai thác công trình thuỷ lợi cho công ty chậm do khách quan nên việc quản lý, điều hành theo kế hoạch năm 2018 còn gặp nhiều khó khăn.

5. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- Phát triển thủy lợi theo định hướng hiện đại hóa, đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tham gia đóng góp vào chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, góp phần ổn định sản xuất, phát triển kinh tế xã hội.

- Từng bước nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành khai thác các công trình và hệ thống thủy lợi nhằm phát huy tối đa năng lực thiết kế, đảm bảo tưới tiêu và hạn chế tình trạng xuống cấp công trình.

- Đảm bảo nguồn nước ngọt, cung cấp nước để tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng năm trên địa bàn của tỉnh và một phần của tỉnh Long An.

- Tổ chức thực hiện duy tu sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi trong hệ thống để đáp ứng khả năng tải nước, cung cấp nước phục vụ sản xuất và dân sinh.

Nơi nhận:
- Bộ KH&ĐT;
- UBND tỉnh TG;
- Ban lãnh đạo công ty;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1200100598 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN GIANG
TP. MỸ THO - T. TIỀN GIANG

Trần Hoàng Bá

Biểu số 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN GIANG

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019
1	**Sản phẩm chủ yếu sản xuất**					
a	- Công trình cống	Cái	122	141	148	150
b	- Công trình kênh	Km	1.118,82	1.118,82	1.118,82	1.120,92
c	- Trạm bơm	Cái	1	1	1	1
d	- Diện tích tưới tiêu tạo nguồn kết hợp	Ha	380.538	380.275	338.072	338.072
2	**Tổng doanh thu**	**Tỷ đồng**	**27,994**	**35,490**	**38,544**	**37,427**
3	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tỷ đồng**	**0,046**	**0,103**	**0,813**	**-**
4	**Nộp ngân sách**	**Tỷ đồng**	**0,293**	**0,037**	**0,042**	**-**
5	**Kế hoạch đầu tư phát triển**	**Tỷ đồng**	**4,585**	**7,989**	**7,898**	**8,116**
a	- Nguồn ngân sách	Tỷ đồng	4,585	7,989	7,898	8,116
b	- Vốn vay	Tỷ đồng				
c	- Vốn khác	Tỷ đồng				
6	**Tổng lao động**	**Người**	**137**	**150**	**136**	**168**
7	**Tổng quỹ lương**	**Tỷ đồng**	**10,752**	**11,610**	**14,032**	**15,528**
a	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	0,876	1,068	1,068	1,068
b	- Lương Kiểm soát viên	Tỷ đồng	0,081	0,040	0,034	0,040
c	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	9,795	10,502	12,930	14,420